Ngày soạn:

**CHƯƠNG X: SINH SẢN Ở SINH VẬT**

**BÀI 39 : SINH SẢN VÔ TÍNH Ở SINH VẬT**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật.

**-** Trình bày được thế nào là sinh sản vô tính ở thực vật, lấy được ví dụ minh họa.

- Phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.

- Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ

- Trình bày được vai trò của sinh sản vô tính ở thực vật và ứng dụng của sinh sản vô tính trong đời sống con người

- Gỉải thích một số hiện tượng thực tế có liên quan đến kiến thức bài học

**2. Năng lực**

Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Xác định được nhiệm vụ học tập; biết tự tìm kiến thức thông qua tài liệu tham khảo, qua kênh hình, qua sách giáo khoa;

- Năng lực giải quyết vấn đề: Nhận thức và giải quyết được các tình huống trong học tập, biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề cần giải quyết.

- Năng lực tư duy: Đặt câu hỏi để làm rõ các tình huống, nêu được nhiều ý tưởng trong học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chủ động trong giao tiếp, biết sử dụng ngôn ngữ phù hợp để trình bày một nội dung kiến thức, tự tin khi nói trước đám đông. Làm việc theo nhóm, tập thể để giải quyết một nhiệm vụ học tập, biết chia sẻ thông tin.

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Khai thác Internet để tìm kiếm nội dung kiến thức.

Năng lực sinh học:

- Năng lực nhận thức kiến thức sinh học, tìm tòi khám phá thế giới sống.

- Vận dụng kiến thức sinh học vào thực tiễn: Giải thích những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và đời sống hàng ngày.

**3. Phẩm chất**

- Có thái độ tích cực, hợp tác trong làm việc nhóm;

- Có ý thức tự học, tìm tòi kiến thức mới

- Yêu thích, say mê nghiên cứu khoa học.

- Yêu thương, chăm sóc và bảo vệ cơ thể, môi trường.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

Một số hình ảnh SGK, các hình ảnh chụp, sưu tầm...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:**

- Xem video.

- Làm việc nhóm và hoàn thành bảng KWL những điều đã biết, muốn biết về sinh sản ở sinh vật.

- Xác định nhiệm vụ học tập của bài.

**c. Sản phẩm học tập:** SP1: Bảng KWL (cột K và W)

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Gv cho Hs xem video[**https://by.com.vn/i9hTTR**](https://by.com.vn/i9hTTR)

-> Những nhành cây với màu sắc sặc sỡ trong video trên là tâpk đoàn san hô gồm hàng nghìn cá thể dính liền với nhau, được tạo thành nhờ hình thức sinh sản vô tính.

- Gv yêu cầu chia lớp thành 4 nhóm, chọn nhóm trưởng và thư kí nhóm (nhóm sẽ hoạt động xuyên suốt chủ đề).

- Gv phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0, bút dạ và yêu cầu các nhóm thảo luận (5p) về các vấn đề các em đã biết và muốn biết về sinh sản ở sinh vật.

Lưu ý: Mỗi hs đã tự làm bảng KWL sẵn ở nhà.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sinh sản là gì? | | |
| Những điều đã biết (K) | Những điều muốn biết (W) | Những điều đã học được (L) |
|  |  |  |

- Hs thảo luận nhóm và hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đại diện mỗi nhóm trình bày.(1p30s/1 nhóm)

+ Gv nhận xét.

+ Gv giới thiệu các nhiệm vụ học tập và giao nhiệm vụ ngoài lớp học **Tìm hiểu về vai trò và ứng dụng của sinh sản vô tính**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu sinh sản là gì?**

**a. Mục tiêu:** Thông qua các hoạt động, HS trình bày được khái niệm về sinh sản và lấy ví dụ, nêu được các hình thức sinh sản ở sinh vật

**b. Nội dung:**

- Hs quan sát hình ảnh Gv cung cấp.

- Hs tham gia thảo luận trong nhóm và trình bày câu trả lời theo nội dung PHT1.

- Hs hoàn thành PHT.

- Sử dụng CCĐG1

**c. Sản phẩm học tập:**

PHT1

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Chiếu hình 39.1 sgk: sinh sản ở một số sinh vật.  + Hình a: Sinh sản ở cây chuối  + Hình b: sinh sản ở con mèo  GV yêu cầu HS thảo luận để hoàn thành PHT  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  -Các thành viên trong nhóm hợp tác cùng nhau thực hiện nhiệm vụ học tập.  +Lập KH làm việc.  +Thoả thuận các quy tắc làm việc.  +Tiến hành thảo luận, giải quyết nhiệm vụ.  -Hoàn thiện PHT để chuẩn bị báo cáo.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -Đại diện nhóm trình bày sản phẩm sau thời gian thảo luận.  -GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS lắng nghe, phản hồi tích cực, đánh giá phần trình bày của các nhóm.  -Sử dụng CCĐG1.  *Gv mở rộng: Mục đích của quá trình sinh sản là duy trì nòi giống.Nếu không có quá trình sinh sản thì sẽ không có các cá thể con của đời sau, như vậy nòi giống sẽ bị tuyệt diệt và sẽ dừng lại ở giai đoạn đó.Vì vậy sinh sản là một trong những quá trình quan trọng bậc nhất và nó là đặc trưng quan trọng nhất của sự sống để tạo ra các cá thể ở đời sau.* | **I. Sinh sản là gì?**  - Khái niệm: Sinh sản là quá trình tạo ra những cá thể mới đảm bảo sự phát triển liên tục của loài.  Ví dụ:  + sinh sản ở cây đậu tương  + Sinh sản ở cá chép  - Có 2 hình thức sinh sản:  + Sinh sản vô tính.  + Sinh sản hữu tính. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHT 1: Sinh sản là gì?**  *Nhóm……………………………………… Lớp 7……..*  **Quan sát hình 39.1- Sinh sản ở một số sinh vật điền từ còn trống vào các nội dung sau:**   |  |  | | --- | --- | |  |  |   a.Sinh sản ở cây chuối b. Sinh sản ở mèo  **Hình 39.1 Sinh sản ở một số sinh vật.**   1. Sinh sản là quá trình tạo ra những …(1)… đảm bảo sự …(2)… liên tục của loài. 2. Có 2 hình thức sinh sản:   + Sinh sản …(3)….  + Sinh sản hữu tính.   1. Ví dụ:   -Sinh sản ở mèo là hình thức sinh sản…(4)….  -Sinh sản ở cây chuối là hình thức sinh sản…(5)…. |

**Đáp án:** (1) cá thể mới; (2) phát triển; (3), (5) vô tính; (4) hữu tính.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu sinh sản vô tính**

**a. Mục tiêu:**

**-** Trình bày được thế nào là sinh sản vô tính ở thực vật, lấy được ví dụ minh họa.

- Phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ

- Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ

**b. Nội dung:**

Thực hiện hoạt động nhóm:

- Hs theo dõi video về các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật

- Hs hoạt động nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn để giải quyết các vấn đề:

+ Khái niệm sinh sản vô tính.

+ Các hình thức sinh sản vô tính ở TV và ĐV.

Hs thảo luận và báo cáo kết quả nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-**Gv tiếp tục chia lớp thành 4 nhóm  -Gv phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0, 1 bút dạ đỏ, 1 bút xanh.  - Giao nhiệm vụ:  Yêu cầu HS quan sát hình 39.2,39.3,39.4 và nghiên cứu thông tin sgk cùng thực hiện các câu hỏi sau:  + Cơ thể con được hình thành như thế nào?  + Số lượng và đặc điểm hình thái của cơ thể con so với cơ thể mẹ?  + Thế nào là sinh sản vô tính?  + Hãy nêu các đặc điểm của sinh sản vô tính?  *GV cung cấp thông tin: Ở một số loài thực vật, các cơ quan sinh dưỡng như: rễ, thân, lá ngoài chức năng nuôi dưỡng cây, chúng còn có thể tạo thành cây mới. Vậy cây con được tạo ra từ những cơ quan đó được gọi là hình thức sinh sản gì?*  GV yêu cầu Hs nghiên cứu thông tin sgk + hình 39.5, cho biết:  + Nêu các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật? cho ví dụ?  Gv yêu cầu hs hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập sau **( PHT số 2)**  +Vì sao người ta gọi hình thức sinh sản từ rễ, thân lá, là sinh sản sinh dưỡng?  GV: chiếu hình ảnh một số loài động vật: ong, thủy tức, chó, mèo, lợn, 🡪 theo em, động vật nào có hình thức sinh sản vô tính?  *+ kể tên các hình thức sinh sản vô tính ở Đv?*  -GV cho HS hoạt động nhóm cặp đôi hoàn thành bảng 39.1 sgk/159; bảng 39.2 và PHT2  *Gv mở rộng thêm: có hai hình thức sinh sản sinh dưỡng:*  *+ sssd tự nhiên ( thân bò, thân rễ, thân củ, rễ củ , lá,….)*  *+ sssd nhân tạo ( nhân giống vô tính)*  *Gv lưu ý cho HS: ý nghĩa của hình thức sinh sản simh dưỡng ở thực vật: giúp thực vật duy trì nói giống trong điều kiện khó khăn, trong khi sinh sản hữu tính không thực hiện được.*  *-Nhiều loài cỏ dại sinh sản bằng thân rễ phát triển rất nhanh khi có điều kiện thời tiêt thuận lợi, do đó cần có biện pháp để diệt loài cỏ dại này:*  + Trình bày các biện pháp diệt cỏ dại*?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, độc lập suy nghĩ và ghi ý kiến của mình vào các góc “khăn trải bàn”.  - Hs thảo luận nhóm để thống nhất và ghi kết quả chung của nhóm vào giữa “khăn trải bàn”.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS điền thông tin Bảng 39.1, 39.2 và đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  -Gv tổ chức cho ác nhóm trao đổi, thảo luận chung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  -Các nhóm tự đánh giá kết quả nhóm khác.  - Gv nhận xét, đánh giá và kết luận chung  -Đánh giá: Theo CCĐG2 | **II. Sinh sản vô tính**  **1.Khái niệm**  - Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản không có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái, cơ thể con được tạo thành từ một phần cơ thể mẹ.  **Bảng 39.1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Sinh sản | Con sinh ra có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái | Con sinh ra từ một phần cơ thể mẹ | Con có các đặc điểm giống cơ thể mẹ | Con có những đặc điểm khác cơ thể mẹ | | Trùng roi |  | X | X |  | | Cây gừng |  | X | X |  | | Thủy tức |  | X | X |  |  * Đặc điểm của sinh sản vô tính:   + Chỉ có sự tham gia của các yếu tố cái (mẹ).  + Con sinh ra có thể là hai hay nhiều con, giống nhau và giống mẹ  **2. Các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật**  - Có hai hình thức sinh sản vô tính ở thực vật:  + SSSD: là hình thức sinh sản trong đó cơ thể mới được hình thành từ cơ quan sinh dưỡng của cơ thể mẹ (như rễ, thân, lá).  VD: Cây khoai lang, cây rau má, cây ra ngót,....  + SSBT: là hình thức sinh sản mà cơ thể mới được phát triển từ bào tử, bào tử được hình thành trong túi bào tử.  VD: Rêu, dương xỉ  **Phiếu học tập số 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tên cây | Mọc từ phần nào của cây? | | | | Mọc từ phần nào của cây? | Phần đó thuộc loại CQ nào? | Trong ĐK nào? | | Rau má | Thân bò | Cơ quan sinh dưỡng | Có đất ẩm | | Gừng | Thân rễ | Cơ quan sinh dưỡng | Nơi ẩm | | Khoai lang | Rễ củ | Cơ quan sinh dưỡng | Nơi ẩm | | Lá thuốc bỏng | Lá | Cơ quan sinh dưỡng | Đủ độ ẩm |   **3. Các hình thức sinh sản vô tính ở động vật**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm**  HTSS | **Giống** | **Khác** | | Nảy chồi | Từ một cá thể sinh ra từ một hoặc nhiều cá thể mới giống mẹ. | “ chồi” được mọc ra từ cơ thể mẹ, lớn dần lên và tách khỏi cơ thể mẹ thành cơ thể mới | | Phân mảnh | Mỗi mảnh nhỏ riêng biệt của cơ thể mẹ có thể phát triển thành 1 cơ thể hoàn chỉnh | | Trinh sản | Tế bào trứng không thụ tinh phát triển thành cơ thể mới. | |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu về vai trò và ứng dụng của sinh sản vô tính**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được vai trò của sinh sản vô tính ở thực vật và ứng dụng của sinh sản vô tính trong đời sống con người

- Gỉải thích một số hiện tượng thực tế có liên quan đến kiến thức bài học.

**b. Nội dung:**

Hs thảo luận nhóm rồi vẽ tranh trên giấy A0 theo kĩ thuật phòng tranh về các vai trò và ứng dụng sinh sản vô tính ở sinh vật.

**c. Sản phẩm học tập:**

Tranh ảnh về cácvai trò của sinh sản vô tính ở thực vật và ứng dụng của sinh sản vô tính trong đời sống con người

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập – Tiết trước**  -Gv chia Hs thành 4 nhóm nhỏ, phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0  +Nhóm 1: Sưu tầm hình ảnh và trình bày pp giâm cành  +Nhóm 2: Sưu tầm hình ảnh và trình bày pp chiết cành.  +Nhóm 1: Sưu tầm hình ảnh và trình bày pp ghép cây.  +Nhóm 1: Sưu tầm hình ảnh và trình bày pp nuôi cấy Tb và mô TV.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập (ngoài lớp học)**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ.  +Phân công các thành viên trong nhóm.  +Lên KH thực hiện nhiệm vụ.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận (30’)**  +Sau khi các nhóm hoàn thành nhiệm vụ, Gv yêu cầu các nhóm triển lãm tại khu vực được phân công.  + Gv tổ chức cho các nhóm di chuyển đến từng khu vực. Tại mỗi khu vực, đại diện nhóm trình bày ý tưởng chính của nhóm. Các nhóm khác đóng góp ý kiến, đặt câu hỏi và thảo luận. Thời gian hoạt động của mỗi nhóm là 3p.  Nhóm 1->Nhóm 2-> Nhóm 3->Nhóm 4->Nhóm 1  +Đại diện các nhóm giải đáp thắc mắc, tiếp nhận ý kiến, sửa chữa, bổ sung  + Sau hoạt động “triển lãm tranh”, các nhóm hoàn thiện lại sản phẩm dựa trên các ý kiến đóng góp của các nhóm khác(10p)  +Công cụ đánh giá  -Thảo luận chung 1 số câu hỏi sau:  *1.Tại sao cành được sử dụng để giâm cần phải có đủ mắt và chồi?*  *2. Để khôi phục các loài thực vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng, phương pháp nhân giống nào được sử dụng có hiệu quả nhất?*  *3.Hạn chế của hình thức sinh sản vô tính ở thực vật là gì?*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  +Đánh giá theo CCĐG3  **+ GV** chốt nội dung chuẩn; Hs ghi vào PHT số 2 | **4. Vai trò và ứng dụng của sinh sản vô tính.**  - Hạn chế của hình thức sinh sản vô tính ở thực vật: Đời con đồng nhất về mặt di truyền ( kiểu gene giống nhau) do đó khả năng thích ứng kém trước điều kiện môi trường thay đổi.  **Bảng 39.3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PP nhân giống** | **Áp dụng với các cây** | **Ưu điểm** | | Giâm cành | Các loài có khả năng ra rễ phụ như mía, sắn,... | Rút ngắn được thời gian sinh trưởng của cây, sớm thu hoạch. Giữ nguyên được đặc tính di truyền có lợi cho con người. | | Chiết cành | Các cây ăn quả và cây cảnh lâu năm | Rút ngắn được thời gian sinh trưởng của cây, sớm thu hoạch. Giữ nguyên được đặc tính di truyền có lợi cho con người. | | Ghép cành | Các cây ăn quả và cấy cảnh thân gỗ | Tạo ra cây mang đặc tính của nhiều loài mong muốn. | | Nuôi cấy tế bào, mô | Hầu hết các loài thực vật | Tạo ra các giống cây trồng sạch bệnh, tạo ra số lượng lớn trong thời gian ngắn. |   -Cành được sử dụng để giâm cần phải có đủ mắt và chồi vì: Từ các mắt sẽ tạo ra rễ và từ các chồi sẽ tạo ra các mầm non để tạo thành cây mới.  - Để khôi phục các loài thực vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng, phương pháp nhân giống nào được sử dụng có hiệu quả nhất là phương pháp nuôi cấy mô vì phương pháp này đảm bảo được các tình trạng mong muốn và nhân nhanh với số lượng lớn trong thời gian ngắn, cây con tạo ra sạch bệnh. |

**C + D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP + VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo điều kiện để HS làm quen dần với việc tìm tòi thông tin trong sách, sưu tầm tư liệu, rèn luyện phương pháp tự học, nâng cao năng lực giao tiếp, thuyết trình.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, tìm hiểu thông tin quá sách báo, internet, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Trò chơi “ai nhanh hơn”**

Quan sát hình và cho biết và đáp án

1. Đây là cây gì? Ai là người đã tạo ra được cây này? Trên cây có bao nhiêu loại quả?
2. Vận dụng kiến thức đã học em hãy cho biết vì sao người nông dân này có thể tạo được một cây tuyệt vời như vậy?

Trả lời:

1. Cây ngũ quả, của ông Lê Đức Giáp (thôn Bãi, Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội); có khả năng cho 5 loại quả (cam canh, cam Mã Lai, bưởi, quất, phật thủ) trên một gốc cây bưởi Diễn(3đ).
2. Bác nông dân có thể tạo ra cây ngũ quả là nhờ pp ghép cành của các loài cây thuộc cùng 1 họ.(4đ)

Sau khi ghép 1 thời gian thì các mối ghép sẽ liền lại dựa trên cơ sở của quá trình nguyên phân.(3đ)

\*Trắc nghiệm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1.** Để rút ngắn thời gian thu hoạch, người thường trồng khoai lang theo hình thức nào dưới đây?  A. Trồng bằng củ. B. Giâm cành . C. Chiết cành. D. Ghép cành.  **Câu 2.** Phương pháp chiết cành không được áp dụng đối với loại cây nào dưới đây ?  A. Dừa       B. Nhãn C. Na       D. Ổi  **Câu 3.** Cho các thao tác sau :  1. Lựa chọn một cành khoẻ, không bị sâu bệnh  2. Đắp bầu đất bao quanh phần thân bị lột vỏ  3. Khi bầu đất xuất hiện rễ thì cắt cành đem đi trồng  4. Lột bỏ một khoanh vỏ trên cành vừa chọn  Em hãy sắp xếp các thao tác trên theo trình tự sớm muộn trong quy trình chiết cành.  A. 1 – 2 – 4 – 3 B. 1 – 4 – 2 – 3 C. 1 – 2 – 3 – 4 D. 1 – 4 – 3 – 2  **Câu 4.** Trong các phương pháp nhân giống cây trồng dưới đây, phương pháp nào cho hiệu quả kinh tế cao nhất ?  A. Giâm cành B. Chiết cành C. Ghép cây D. Nhân giống vô tính  **Câu 5.** Phương pháp nhân giống nào dưới đây sẽ cho ra cây giống mang đặc điểm di truyền của hai cá thể khác nhau?  A. Nhân giống vô tính B. Giâm cành C. Ghép cây D. Chiết cành  **Câu 6.** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : … là làm cho cành ra rễ ngay trên cây rồi mới cắt đem trồng thành cây mới.  A. Ghép cành . B. Giâm cành C. Chiết cành . D. Nhân giống vô tính  **Câu 7.** Cây mía thường được trồng bằng  A. một mảnh lá.   B. phần ngọn. C. rễ củ.       D. phần gốc.  **Câu 8.** Cây nào dưới đây thường được trồng bằng cách chiết cành?  A. Tía tô.      B. Rau đay. C. Bưởi.       D. Gấc.  **Câu 9:** Sinh sản vô tính được đặc trưng bởi:  A. Không có quá trình kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.  B. Tạo ra nhiều con cháu trong một thế hệ.  C. Có quá trình giảm phân.  D. Con cháu đa dạng.  **Câu 10:** Sự tạo cơ thể mới từ rễ, thân, lá được gọi chính xác là:  A. Sinh sản bào tử. B. Sinh sản vô tính.  C. Sinh sản sinh dưỡng D.Sinh.sản hữu tính  **Đáp án**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. B | 2. A | 3. | 4. D | 5. C | | 6. C | 7. B | 8. C | 9. A | 10. C | |

**IV. KẾ HOẠCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Sản phẩm** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỉ lệ điểm (%)** |
| 1 | Sản phẩm 2: PHT1 | Đánh giá qua sản phẩm học tập của HS | CCĐG1: bảng kiểm | 30 |
| 2 | Sản phẩm 3: Câu trả lời của HS | Đánh giá qua sản phẩm học tập của HS | CCĐG1: Thang đo | 30 |
| 3 | Sản phẩm 4: Bảng trả lời của HS | Đánh giá qua sản phẩm học tập của HS | CCĐG1: Rubric | 40 |
| Tổng | | | | 100 |

**CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

**CCĐG1: Bảng kiểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| 1.Nhận nhiệm vụ | Mọi thành viên trong nhóm sẵn sáng nhận nhiệm vụ khảo sát được phân công |  |  |
| 2.Tham gia xây dựng phương án thảo luận và lập kế hoạch nhóm | Mọi thành viên đều bày tở ý kiến, tham gia xây dựng phương án và kế hoạch thực hiện việc khảo sát |  |  |
| 3.Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác | Mọi thành viên cố gắng, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ bản thân |  |  |
|  | Mọi thành viên hỗ trợ nhau trong khảo sát, hoàn thành nhiệm vụ |  |  |
| 4.Tôn trọng quyết định chung | Mọi thành viên trong nhóm đều tôn trọng quyết định chung của cả nhóm |  |  |
| 5.Kết quả làm việc | Hoàn thành nhiệm vụ được giao |  |  |
| 6.Trách nhiệm với kết quả làm việc chung | Mọi thành viên có ý thức trách nhiệm về kết quả chung của nhóm |  |  |

*=>Hướng dẫn sử dụng công cụ: Gv chia nhóm, yêu cầu Hs thảo luận nhóm hoàn thành nội dung PHT và đánh giá theo bảng trên, mỗi nội dung đánh giá “có” sẽ được 5đ.*

**CCĐG2: Thang đánh giá hoạt động 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm ĐG** |
| 1.Làm việc nhóm | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, công bằng.  Hoàn thành nhiệm vụ của nhóm. | 10  10 |  |
| 2.Kết quả thảo luận nhóm | Nêu được khái niệm sinh sản vô tính. | 10 |  |
| Kể tên được các hình thức SSVT ở TV | 10 |  |
| Nêu được các hình thức SSVT ở ĐV | 10 |  |
| 3.Thảo luận | Quan sát và có ý kiến nhận xét. | 10 |  |
|  | Đặt câu hỏi thắc mắc. | 10 |  |
| 4.Thuyết trình | Tự tin, lưu loát, đúng giờ. | 10 |  |
| Rõ ràng, trọng tâm, thu hút. | 10 |  |
| Trả lời tốt các câu hỏi thảo luận. | 10 |  |
| Tổng |  | 100 |  |

**\*CCĐG 3: (Sưu tầm hình ảnh và trình bày các vai trò và ứng dụng của sinh sản vô tính).**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ/Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Hình thức trình bày(20đ) | Thẩm mĩ | Thẩm mĩ, logic | Thẩm mĩ, logic, sáng tạo |
| <10đ | 10-15đ | 16-20đ |
| Nội dung (60đ) | -Tóm tắt được 1/3 quy trình.  -Trình bày được 1 số vai trò của quy trình trong thực tiễn. | -Tóm tắt được 2/3 quy trình.  -Trình bày được các vai trò cơ bản của quy trình trong thực tiễn. | -Tóm tắt được đầy đủ quy trình.  -Trình bày được đầy đủ các vai trò của quy trình trong thực tiễn. |
|  | <30đ | 30-45đ | 46-60đ |
| Thuyết trình sản phẩm (20đ) | Thuyết trình rõ ràng. | Thuyết trình rõ ràng, tự tin. | Thuyết trình rõ ràng, tự tin, hấp dẫn, logic. |
|  | <10đ | 10-15đ | 16-20đ |
| Tổng:100đ |  |  |  |